

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Bản án số: 35/2018/HS-ST

Ngày: 24/7/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Biên Hòa.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Thạch

Ông Bùi Duy Tuân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thu Hương - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh C1 tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/HSST ngày 08 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 285/2018/QĐXXST- HS ngày 09/7/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên Triệu Sành T; Tên gọi khác: Sành Sành T1 và Triệu Văn L; Sinh ngày: 11/02/1979 tại xã C, huyện N, tỉnh C1; Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm N1, xã C, huyện N, tỉnh C1; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng, chính quyền: Không; Trình độ học vấn: mù chữ; Con ông: Triệu Trùng A, SN:1938; Con bà: Triệu Thị B (tên gọi khác M - đã chết); Vợ: Bị cáo có 02 vợ, Đặng Thị L1, sinh năm 1978, nghề nghiệp: Lao động tự do; Triệu Thị K, sinh năm 1991, nghề nghiệp: Lao động tự do; Cùng trú tại: Xóm N1, xã C, huyện N, tỉnh C1; Con: có 07 con, con lớn sinh năm 1999; con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện

bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh C1 từ ngày 25/12/2017, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Z - Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C1, bào chữa cho bị cáo theo quy định của pháp luật; có mặt.

Bị hại: Phùng Mùi I, sinh năm 1966

Trú tại: Xóm Y, xã H, huyện D, tỉnh C1; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Nông Thị Thu X, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C1, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại theo quy định của pháp luật; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chảo Sành P - sinh năm 1971

Trú tại: Xóm R, xã E, huyện D, tỉnh C1; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đặng Xuân Q - sinh năm 1994

Trú tại: Xóm F, xã G, huyện D, tỉnh C1; có mặt.

- Đặng Mùi P1, sinh năm 1991

Trú tại: Xóm R, xã E, huyện D, tỉnh C1; có mặt.

Người làm chứng:

- Đặng Mùi M1, sinh năm 1989

Trú tại: Xóm R, xã E, huyện D, tỉnh C1; có mặt.

- Đặng Thị L1, sinh năm 1978

Trú tại: Xóm N1, xã C, huyện N, tỉnh C1; vắng mặt.

- Đặng Mùi S (S1), sinh năm 1944

Trú tại: Xóm Y, xã H, huyện D, tỉnh C1; Vắng mặt.

- Đặng Cùn T1, sinh năm 1979

Trú tại: Xóm Y, xã H, huyện D, tỉnh C1; vắng mặt.

Người phiên dịch tiếng dân tộc Dao: bà Triệu Thị D1, cán bộ Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh C1; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Triệu Sành T (có tên gọi khác là Sành Sành T1 và Triệu Văn L) sinh năm 1979, trú tại xóm N1, xã C, huyện N, tỉnh C1 quen biết người đàn ông tên Vàng K2 trú tại A1, huyện Q2, Trung Quốc. Vàng K2 bảo T tìm phụ nữ không có chồng đưa sang Trung Quốc để bán cho người Trung Quốc làm vợ và hứa sẽ trả tiền công cho T. Do muốn có tiền để sử dụng cho mục đích cá nhân nên T đã liên lạc với Chảo Sành P sinh năm 1971, trú tại R - E - D- C1 và hỏi P có biết người phụ nữ nào không có chồng hoặc chồng chết để T tìm hiểu lấy về làm vợ. P đã giới thiệu Phùng Mùi I, sinh năm 1966, trú tại Y - H - D – C1 (chồng chết năm 2017) và cũng là thông gia của Chảo Sành P cho T.

Sáng ngày 11/9/2017 Triệu Sành T mượn xe máy của Đặng Xuân Q (em vợ của T) trú tại F - G - D – C1 đi đến chợ thị trấn D thì gặp Chảo Sành P, T bảo P dẫn đường đến nhà của Phùng Mùi I để T xem mặt, đồng thời đưa cho Chảo Sành P 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) và hứa sau này nếu việc hôn nhân thành công T sẽ đưa thêm, sau đó cả hai đến nhà Phùng Mùi I. Tại nhà Phùng Mùi I, T gọi bà I ra ngoài cửa nói chuyện và rủ bà I đi sang biên giới Trung Quốc làm thuê nhưng T không nói cụ thể làm công việc gì. Lúc đầu bà I còn lưỡng lự và nói “không có người trông nhà và chưa thu hoạch xong vụ mùa, không đi được” thì T nói với bà I “không lo đâu, đi gần thôi, khoảng 3 đến 4 ngày T sẽ đưa bà I về”, T đưa cho Đặng Mùi M1 (con gái bà I) 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nói tiền thuê người trông nhà cho bà I, bà I nhận lời đi cùng T. Trước khi đi T lấy điện thoại của bà I tháo sim ra rồi bỏ sim vứt đi, dùng xe mô tô chở bà I đi qua xóm F - G - D – C1 đến nhà Đặng Xuân Q trả xe cho Q và tiếp tục dẫn bà I theo đường rừng vượt biên giới sang Trung Quốc đến nhà Vàng K2 Đến chiều ngày 12/9/2017 Triệu Sành T và Vàng K2 đưa Phùng Mùi I vào sâu trong nội địa Trung Quốc bán cho một gia đình người Trung Quốc làm vợ.

Sau khi bán được Phùng Mùi I, Triệu Sành T được Vàng K2 đưa cho 7.000NDT (bảy nghìn nhân dân tệ) rồi quay về Việt Nam. Ngày 13/9/2017 Triệu Sành T đem số tiền trên đi đổi được 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng). T đưa cho Chảo Sành P 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền công đã giới thiệu bà I và đưa cho Đặng Mùi P1 (con gái bà I) 3.000.000đ (ba triệu đồng) nói là tiền bà I gửi từ Trung Quốc về để thuê người thu hoạch lúa, ngô. Đồng thời, T nói cho P1 biết đã dẫn bà I sang Trung Quốc lấy chồng và T còn

đặt vấn đề đưa thêm 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cho bố mẹ đẻ và bố mẹ chồng của bà I nhưng P1 không nhận. Thấy nghi ngờ về việc làm của T nên Đặng Mùi P1 gọi công an viên và trưởng xóm đến để nói chuyện với T về sự việc của bà I nhưng T kiểm soát bỏ đi.

Đối với Phùng Mùi I trong thời gian ở tại nhà gia đình người Trung Quốc, I được gia đình đó nói cho biết đã mua bà với số tiền 25.000NDT (hai mươi lăm nghìn nhân dân tệ) nên họ không cho Nải quay về Việt Nam, I đã tìm cách báo cho Đặng Mùi P1 biết và bảo P1 đến đồn biên phòng trình báo để đưa bà về Việt Nam. Ngày 23/9/2017 Đặng Mùi P1 đã làm đơn tố cáo Triệu Sành T với đồn biên phòng C3, huyện N thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh C1. Đến ngày 27/9/2017 Phùng Mùi I đã được lực lượng biên phòng đưa về Việt Nam qua mốc 614 thuộc xóm N1, xã C, huyện N, tỉnh C1. Sau khi về Việt Nam bà I đã làm đơn tố cáo Triệu Sành T với Đồn biên phòng C3, huyện N, tỉnh C1.

Hành vi của Triệu Sành T đã bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C1 lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội: Mua bán người theo Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại cơ quan điều tra, bị cáo Triệu Sành T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 12/CTr-VKSCB-P2 Ngày 07/5/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C1 truy tố Triệu Sành T (có tên gọi khác là Sành Sành T và Triệu Văn L) về tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo Triệu Sành T khai nhận: “Ngày 11/9/2017 tôi được đưa bà Phùng Mùi I sang Trung Quốc, việc tôi đưa bà I sang Trung Quốc là do Chảo Sành P và Vàng K2 bảo tôi dẫn sang và trả tiền công cho tôi. Cụ thể, vào khoảng 17 giờ ngày 10/9/2017 Vàng K2 có gọi điện cho tôi bảo đi đón một bà, ở nhà ông P, bảo P gọi điện cho Vàng K2 bảo vậy, Vàng K2 nói đến đón bà đó sang Trung Quốc lấy chồng và nói là sẽ cho tôi tiền công. Sau đó ông P gọi điện cho tôi bảo tôi đến đón bà đó, khoảng 8 giờ ngày 11/9/2017 tôi mượn xe của Đặng Xuân Q rồi đi đến thị trấn D gặp ông P thì ông P có bảo tôi đi mua thức ăn, tôi đèo ông P cùng đến nhà bà I ăn cơm, tại nhà bà I có nhiều người, tôi có rủ bà I sang Trung Quốc làm thuê, bà I nói không có người trông nhà, Vàng k2 có gọi điện cho tôi bảo đưa tiền cho người nhà bà I trông nhà bốn ngày, tôi đã đưa cho con của bà I 600.000đ. Sau đó tôi chở bà I đi qua xóm F, xã G, huyện D,

tỉnh C1 đến nhà Đặng Xuân Q trả xe cho Q và tiếp tục dẫn bà I theo đường rừng vượt biên giới sang Trung Quốc đến nhà Vàng K2, ngủ ở nhà Vàng K2 một đêm đến hôm sau tôi cùng Vàng K2 đưa bà I vào sâu trong nội địa Trung Quốc bán cho người đàn ông Trung Quốc, việc trao đổi mua bán diễn ra như thế nào là do Vàng K2, tôi không biết. Sau khi quay về tôi được Vàng K2 trả công cho 7000NDT, tôi đi đổi ra tiền Việt Nam được 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng), số tiền này Vàng K2 nói lấy về để trả tiền cho gia đình bà I, tôi đưa cho Chảo Sành P 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) và Đặng Mùi P1 3.000.000đ (ba triệu đồng), số tiền còn lại tôi có đưa cho con gái bà I nhưng không nhận, sau đó tôi đã trả toàn bộ số tiền còn lại cho Vàng K2”.

Tại phiên tòa bị hại Phùng Mùi I khai: “...Khoảng 12 giờ trưa ngày 11/9/2017 Triệu Sành T đi xe máy chở Chảo Sành P đến nhà tôi, hai người T và P nài nỉ, thuyết phục tôi đi làm thuê, ban đầu tôi chưa đồng ý thì T có nói rằng chỉ đi 3 đến 4 ngày sẽ về. Sau khi tôi đồng ý đi cùng thì T lấy điện thoại của tôi và vứt sim đi, T chở tôi bằng xe máy đến F - G – D – C1 nghỉ ở nhà mẹ vợ của T. Sau khi nghỉ ngơi một lúc T đưa tôi theo đường mòn sang Trung Quốc đến nhà Vàng K2 ngủ một đêm, hôm sau T cùng với Vàng K2 đưa tôi đến nhà một người đàn ông Trung Quốc, mọi người cùng ăn uống ở đó, sau khi ăn cơm xong, T và Vàng K2 ra về tôi mới biết mình đã bị bán làm vợ người đàn ông Trung Quốc. Tại phiên tòa ngày hôm nay, tôi đề nghị Tòa án xử bị cáo theo quy định của pháp luật, còn về phần bồi thường đề nghị bị cáo bồi thường theo đúng quy định của pháp luật”.

Tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chảo Sành P khai: “ ...Ngày 10/9/2017 T có gọi điện thoại cho tôi và hỏi ở làng có phụ nữ nào chưa có chồng để T lấy về làm vợ, tôi có nói có thông gia của tôi chồng vừa chết; đến hôm sau, ngày 11/9/2017 tôi đi ra chợ thị trấn D để chụp x-quang, sau khi chụp xong tôi ra đón xe khách D2 để đi về nhà thì gặp T đi xe máy đến, T bảo tôi dẫn đường đi đến nhà bà I xem mặt, nếu còn trẻ thì lấy về làm vợ. Sau khi ăn cơm xong ở nhà bà I, T đưa cho tôi 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) nói là trả tiền công cho tôi dẫn đường đến nhà bà I. Tại nhà bà I tôi không được nói gì với bà I và cũng không để ý T nói gì với bà I vì tôi đã uống nhiều rượu trong lúc ăn cơm. Sau đó T đưa I đi đâu tôi không biết, tôi có được nhận tiền với T số tiền 4.000.000đ là tiền T trả công tôi dẫn T đến nhà bà I xem mặt lấy bà I về làm vợ, tôi không biết việc T đưa bà I sang Trung Quốc bán...”

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Xuân Q khai: “...Ngày 11/9/2017 khoảng 07 giờ sáng thì T một mình đi bộ đến nhà tôi mượn xe máy, đi đâu làm gì tôi không biết. Đến chiều cùng ngày T đi xe máy của tôi chở theo một người phụ nữ vào nhà tôi ngồi một lúc nhưng tôi không biết tên, tuổi, địa chỉ. Sau đó, tôi đi lấy củi, lúc tôi đi lấy củi về thì thấy xe máy của tôi dựng ở dưới nhà còn T và người phụ nữ đó đi đâu tôi không biết, việc T lấy xe máy tôi để chở bà I đi bán tôi không biết, không liên quan gì..”.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Triệu Mùi P2 khai: “...Khoảng 12 giờ ngày 11/9/2017 bà nội của tôi có gọi điện thoại cho tôi nói rằng mẹ tôi đi cùng ông T ở N1, C, N sang N1 đi làm thuê 3 đến 4 ngày. Sau đó khoảng 5 ngày T có gọi điện thoại cho tôi nói là ngày mai sẽ mang tiền mẹ gửi về cho tôi và bảo tôi sang nhà mẹ nhận, T lấy số điện thoại của tôi ở đâu tôi không biết. Lúc ở nhà mẹ tôi, T có đưa cho tôi 3.000.000đ nói là mẹ tôi gửi về thuê người gặt lúa, 4.000.000đ đưa cho bà nội và bà ngoại. Cảm thấy nghi ngờ, tôi đã báo với công an viên và trưởng xóm đến nói chuyện với T. T có nói rằng mẹ tôi đi lấy chồng rồi, gửi tiền về cho tôi để tôi thuê người gặt lúa cho. Tôi nhận với T 3.000.000đ còn 4.000.000đ T đưa cho bà ngoại, bà nội thì không nhận. Sau đó tôi có đến đồn biên phòng C3 để trình báo và đề nghị bộ đội Biên phòng giúp đỡ đưa mẹ tôi về Việt Nam”.

Người làm chứng Đặng Mùi M1 khai: “...Ngày 11/9/2017 khi tôi đến nhà mẹ tôi là bà Phùng Mùi I chơi thì có nghe thấy T gọi giục mẹ tôi là “đi thôi” và T cầm điện thoại của mẹ tôi tháo sim vứt đi, sau đó T chở mẹ tôi đi bằng xe máy theo hướng về thị trấn D. Trước khi đi T có đưa cho tôi 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nói rằng đây là tiền thuê người trông nhà hộ mẹ tôi. Sau đó tôi và bà nội tôi có thay nhau trông nhà cho mẹ, nên số tiền 600.000đ tôi và bà nội chia nhau mỗi người 300.000đ, tôi đã sử dụng số tiền trên chi tiêu cho cá nhân hết”.

Người làm chứng Đặng Cùn T1 khai: “...Trưa ngày 11/9/2017 tôi được bà I gọi lên nhà bà I ăn cơm, sau khi ăn cơm xong thì T kéo tay bà I ra ngoài nói chuyện, do ngồi ở xa nên tôi không nghe thấy nội dung cuộc nói chuyện giữa bà I và T, khi tôi bước ra ngoài thì thấy T cầm điện thoại của bà I tháo sim, bẻ sim và vứt xuống đất, khi đó tôi có hỏi thì T trả lời rằng đưa bà I đi tìm việc làm ở biên giới Trung Quốc. Sau đó T chở bà I đi bằng xe máy về hướng thị trấn D”.

Người làm chứng Đặng Mùi S (S1) khai: “...Trưa ngày 11/9/2017 tôi lên nhà I chơi thì thấy có ông P là thông gia với I và ông T người ở huyện N đang ngồi chơi, tôi có nghe loáng thoáng T nói với bà I sẽ đi đâu đó khoảng 3 đến 4 ngày nhưng không biết là đi đâu. Khi mọi người ăn cơm xong ngồi nói chuyện thì tôi thấy T cầm điện thoại của I tháo sim, bẻ gãy, vứt xuống đất. Sau đó T có đưa cho tôi số tiền là 600.000đ để trông nhà giúp I, về sau tôi có chia cho M1 300.000đ, số còn lại tôi đã chi tiêu cá nhân hết”.

Người làm chứng Đặng Thị L1 khai: “...Ngày 12/9/2017 tôi đi bộ sang A1, Trung Quốc mua miến về để nấu ăn thì gặp chồng tôi là Triệu Sành T đi cùng một người phụ nữ Việt Nam đang ở nhà của một người Trung Quốc tên là Vàng K2. Sau khi gặp thì I năn nỉ tôi đi cùng đến nhà người Trung Quốc khác để xem nhà lấy chồng, do I năn nỉ nên tôi đã cùng đi đến nhà người đàn ông Trung Quốc đó, ngoài ra tôi không biết gì hết”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tỉnh C1 giữ nguyên quyết định truy tố Triệu Sành T về tội “Mua bán người” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 theo cáo trạng số 12/Ctr-VKSCB-P2 ngày 07/5/2018. Đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Triệu Sành T phạm tội “Mua bán người”, áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Triệu Sành T từ 05 năm đến 06 năm tù. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng Điều 584, 585 và 592 Bộ luật Dân sự buộc Triệu Sành T bồi thường thiệt hại do danh dự nhân phẩm bị xâm phạm cho bị hại Phùng Mùi I. Về vật chứng: đề nghị xử tịch thu chiếc điện thoại vì bị cáo dùng vào việc phạm tội; về số tiền 7.000.000đ do Chảo Sành P và Đặng Mùi P1 nộp tại cơ quan điều tra, đây là khoản tiền của bị cáo do phạm tội mà có đưa cho P và P1, do vậy cần xử tịch thu xung công quỹ nhà nước. Không truy thu khoản tiền 16.000.000đ đối với bị cáo do phạm tội mà có, vì bị cáo khai nhận số tiền này bị cáo đã trả lại Vàng K2, gia đình bị cáo hiện nay rất khó khăn nên không có khả năng thi hành án nếu Tòa tuyên truy thu số tiền trên.

Luật sư trình bày bản luận cứ bào chữa cho bị cáo với nội dung: Hoàn toàn nhất trí với cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C1 về tội danh, khung hình phạt, cũng như các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa. Xét về nguyên nhân phạm tội xuất phát từ Chảo Sành P, việc bị cáo đưa bà I sang Trung Quốc có sự giúp sức của P. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất mà Viện

kiểm sát đề nghị. Về phần bồi thường, nhất trí bồi thường theo quy định của pháp luật. Về khoản tiền truy thu nhất trí như đại diện Viện kiểm sát phát biểu, vì số tiền này bị cáo đã trả lại cho Vàng K2 và xét về hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Tòa không truy thu số tiền đối với bị cáo.

Bị cáo Triệu Sành T nhất trí với ý kiến của người bào chữa, không có ý kiến gì bổ sung.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Phùng Mùi I là bà Nông Thị Thu X không có ý kiến gì đối với kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C1; Về hình phạt: nhất trí như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Về phần bồi thường dân sự, xem xét bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần, danh dự, nhân phẩm cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Bị hại Phùng Mùi I nhất trí như ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh C1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Các yếu tố cấu thành tội phạm:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai được đưa bà Phùng Mùi I sang Trung Quốc, việc bị cáo đến đón và đưa bà Nải đi là thực hiện theo yêu cầu của Vàng K2 và Chảo Sành P, Vàng K2 hứa trả tiền công cho bị cáo. Nhưng căn cứ vào lời khai của bị hại, của Chảo Sành P, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu,

chứng cứ khác đã được cơ quan điều tra thu thập phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận, bị cáo Triệu Sành T đã thông qua Chảo Sành P để đến nhà bị hại Phùng Mùi I rủ rê, dụ dỗ và lừa bà I sang Trung Quốc bán để lấy tiền tiêu sài vì mục đích cá nhân. Cụ thể: Ngày 11/9/2017 Triệu Sành T đã rủ và lừa bà Phùng Mùi I sang Trung Quốc làm thuê, sau đó đưa I đi theo đường mòn sang đất Trung Quốc đến nhà Vàng K2, rồi cùng Vàng K2 đưa I vào sâu trong nội địa Trung Quốc bán cho một người đàn ông Trung Quốc làm vợ được số tiền là 25.000NDT, T được Vàng K2 chia cho 7.000NDT đổi ra tiền Việt Nam được 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng).

Hậu quả xảy ra: bị hại Phùng Mùi I đã bị đem ra mua bán, trao đổi. Bị hại Nải bị lừa bán về làm vợ người đàn ông Trung Quốc xa lạ, không quen biết và rất xa quê hương, gia đình, tổ quốc.

Như vậy, có thể thấy rằng giữa hành vi của bị cáo và hậu quả xảy ra có mối quan hệ nhân quả với nhau: Hành vi của bị cáo chính là nguyên nhân gây ra hậu quả bị hại bị đem ra mua bán như một loại hàng hóa để chuộc lợi.

Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bản thân bị cáo nhận thức được việc bị cáo lừa bán bà I sang nước Trung Quốc là vi phạm pháp luật, sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng là bà I sẽ bị bán làm vợ người đàn ông Trung Quốc hoặc bị đánh đập, bỏ đói nếu không nghe theo nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện bỏ mặc hậu quả xảy ra. Trong vụ án này nạn nhân là người phụ nữ đã có tuổi, cùng là người dân tộc thiểu số với bị cáo, lợi dụng gia cảnh khó khăn của bị hại chồng mới mất, con cái đi lập gia đình ở xa, lợi dụng lòng tin của bị hại. Bị cáo cố tình thực hiện hành vi mua bán người thể hiện rõ ở việc: bị cáo lừa bị hại là sang Trung Quốc làm thuê kiếm tiền, khi bị hại I nói không đi được vì không có người trông nhà và chưa thu hoạch ngô xong thì bị cáo đã dùng mọi lời lẽ, thủ đoạn để thuyết phục bà I và đưa cho Đặng Mùi M1 (con gái bà I) 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nói tiền thuê người trông nhà cho bà I. Hành vi của bị cáo đã thể hiện ý chí lừa bằng được bà I bán sang Trung Quốc để lấy tiền tiêu sài của bị cáo.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự, quyền tự do của con người nhất là trong vụ án này bị hại là phụ nữ, bị cáo coi phụ nữ như một loại hàng hóa để mua bán, trao đổi kiếm lời.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm Hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật và gây ra hậu quả về thể xác cũng như tinh thần cho nạn nhân nhưng vì hám lời, lười lao động chân chính mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, quyền tự do của người phụ nữ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, xâm phạm nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự xã hội của địa phương. Để răn đe phòng ngừa tội phạm, hành vi mua bán người của bị cáo phải được xét xử nghiêm minh trước pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C1 truy tố bị cáo Triệu Sành T về tội "Mua bán người" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 với tình tiết định khung "Để đưa ra nước ngoài" là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 được quy định như sau:

"Điều 119 Bộ luật hình sự quy định như sau:

- 1. Người nào mua bán người thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.*
- 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm:*

a)...

đ) Để đưa ra nước ngoài;

Như vậy, bị cáo Triệu Sành T đã có hành vi mua bán phụ nữ ra nước ngoài, cần có hình phạt thật nghiêm khắc và có tính răn đe để ngăn ngừa loại tội phạm này. Xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo giáo dục nói riêng và phòng ngừa chung, góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nhất là tội phạm về buôn bán người đang có chiều hướng gia tăng.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo:

Qua xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu, Ngày 27/5/2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh C1 xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội Lưu hành tiền giả. Căn cứ giấy xác nhận kết quả thi hành án số 28 ngày 27/3/2018 của Chi cục thi hành

án dân sự huyện N, tỉnh C1 đã xác nhận ngày 08/4/2011 Triệu Sành T đã chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích. Bị cáo không có trình độ học vấn, mù chữ, nhân thân không có tiền án tiền sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do vậy khi quyết định hình phạt cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết tăng nặng: không có.

Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C1 đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Sành T từ 05 đến 06 năm tù và xét đề nghị của Người bào chữa về hình phạt đối với bị cáo là hợp lý, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần được chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy nhân thân bị cáo Triệu Sành T không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, việc phạt quản chế hoặc cấm đi khỏi nơi cư trú cũng không cần thiết nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với người đàn ông Trung Quốc tên Vàng K2 hiện đang sinh sống tại Trung Quốc nhưng không rõ địa chỉ cụ thể nên cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh C1 không thể triệu tập, điều tra, xử lý đối tượng này trong vụ án này.

Đối với Đặng Thị L1 (vợ của Triệu Sành T) qua điều tra xác minh thấy việc T đưa bà I sang Trung Quốc bán cho người đàn ông Trung Quốc để làm vợ, L1 không biết và cũng không được bàn bạc cùng T để thực hiện tội phạm, do vậy không xem xét xử lý L1. Đối với Đặng Xuân Q có cho Triệu Sành T mượn xe máy nhưng không biết T dùng xe máy để chở bà I sang Trung Quốc bán, thực hiện hành vi phạm tội, do đó không xem xét xử lý đối với Q.

Đối với Chảo Sành P: Trong quá trình điều tra Triệu Sành T khai Chảo Sành P cũng tham gia thực hiện hành vi phạm tội cùng với T và Vàng K2, P được T chia cho 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Tuy nhiên P khai T đưa cho P 4.000.000đ (bốn triệu đồng) là tiền công P dẫn T đến nhà bà I để T xem mặt lấy bà I về làm vợ, P không quen biết người đàn ông Trung Quốc tên Vàng K2 và cũng không được bàn bạc, không biết việc T lừa bán bà I sang Trung Quốc làm vợ. Ngoài lời khai của T thì không có tài liệu nào chứng minh Chảo Sành P cùng

tham gia thực hiện tội phạm cùng với T, do đó không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự với P.

Đối với Đặng Mùi P1, được bị cáo T đưa số tiền 3.000.000đ, T nói là của bà I là mẹ P1 gửi về thuê người gặt lúa, P1 đã nộp lại số tiền này tại cơ quan Công an.

**Về trách nhiệm dân sự:*

Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến danh dự, nhân phẩm của bị hại Phùng Mùi I và tại phiên tòa hôm nay, bà I cũng đề nghị bị cáo phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định tại Điều 592 Bộ luật Dân sự, căn cứ vào tổn thất về tinh thần đối với bị hại trong vụ án này, cần buộc bị cáo phải bù đắp về tổn thất tinh thần cho bị hại một khoản tiền bằng 05 tháng lương cơ sở tại thời điểm xét xử sơ thẩm: 05 tháng lương cơ sở x 1.390.000,0đ/1 tháng = 6.950.000,0đ (sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Về số tiền do bị cáo phạm tội mà có, vật chứng và tài sản tạm giữ của vụ án: Sau khi xem xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan tại phiên tòa cũng như căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định và xử lý như sau:

** Đối với số tiền do bị cáo phạm tội mà có:* Bị cáo khai nhận sau khi phạm tội đã đổi 7.000 nhân dân tệ sang tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được số tiền 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng), số tiền này bị cáo đưa cho Chảo Sánh P 4.000.000đ (bốn triệu đồng), đưa cho Đặng Mùi P 3.000.000đ (ba triệu đồng), số tiền còn lại 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng chẵn), bị cáo khai đã trả lại Vàng K2, nhưng không có căn cứ chứng minh cho lời khai của bị cáo về số tiền này. Do vậy, bị cáo và người liên quan phải nộp truy thu vào ngân sách Nhà nước số tiền như sau:

- Bị cáo Triệu Sánh T số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng chẵn).

- Người liên quan Chảo Sánh P số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng chẵn).
Xác nhận Chảo Sánh P đã nộp số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) tại cơ quan Công an, hiện nay chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Người liên quan Đặng Mùi P1 số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng chẵn).
Xác nhận Đặng Mùi P1 đã nộp số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) tại cơ quan Công an, hiện nay chuyển theo hồ sơ vụ án.

** Đối với việc xử lý vật chứng*

- Về chiếc xe máy bị cáo mượn của ông Đặng Xuân Q, sau đó T đã trả xe cho Q, việc T mượn xe để thực hiện hành vi phạm tội Q không biết, do vậy không có căn cứ để xem xét tịch thu chiếc xe trên.

- Đối với số vật chứng chuyển theo vụ án gồm:

+ 01 (Một) điện thoại di động, có chữ hphone, màu đen số IMEL: 357934064483398, chiếc điện thoại bị cáo dùng để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội, do vậy cần xử tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước:

+ Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 7.000.000đ (Bảy triệu đồng chẵn), trong đó do Chảo Sành P nộp 4.000.000đ (bốn triệu đồng) và Triệu Mùi P1 nộp 3.000.000đ (ba triệu đồng). Tịch thu số tiền trên để sung công quỹ nhà nước.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố:* Bị cáo Triệu Sành T phạm tội “*Mua bán người*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Triệu Sành T - 05 (năm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị bắt tạm giữ 25/12/2017.

2. *Về Trách nhiệm dân sự:* Áp dụng các Điều 584, Điều 585, Điều 592 và Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Triệu Sành T phải có trách nhiệm bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm cho bị hại Phùng Mùi I, trú tại xóm Y, xã H, huyện D, tỉnh C1 số tiền 6.950.000,0đ (sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án bị hại Phùng Mùi I nếu bị cáo T chưa bồi thường khoản tiền trên thì

hàng tháng phải chịu tiền lãi của số tiền chưa bồi thường theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm bồi thường.

3. Xử truy thu số tiền do phạm tội mà có:

Đối với bị cáo Triệu Sành T số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng chẵn).

Đối với người liên quan Chảo Sảnh P số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng chẵn).

Đối với người liên quan Đặng Mùi P1 số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng chẵn).

Xác nhận Chảo Sảnh P và Đặng Mùi P1 đã nộp số tiền trên tại cơ quan Công an, hiện nay đã được chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh C1 theo biên bản bàn giao vật chứng số 27 ngày 06 tháng 4 năm 2018.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 xử tịch thu, phát mại xung công quỹ nhà nước số vật chứng sau:

+ 01 (Một) điện thoại di động, có chữ hphone, màu đen, số IMEL: 357934064483398.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh C1 theo biên bản bàn giao vật chứng số 27 ngày 06 tháng 4 năm 2018.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Triệu Sành T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 347.500đ (ba trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng bị cáo phải nộp là 547.500đ (năm trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí để sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh C1;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh C1;
- Phòng PC 45;
- Sở Tư pháp C1;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự C1;
- Trại tạm giam CA tỉnh C1;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa